TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2019
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xanh

Ông Nguyễn Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ trước xuất cảnh: Xóm A, xã ST, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Hiện nay cư trú: Cộng hòa Ba Lan. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ trước xuất cảnh: Xóm B, xã BT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Hiện nay cư trú: Thủ đô Tp. Vác-sa-va, Cộng hòa Ba Lan. Vắng mặt tại phiên tòa (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Trọng Đ đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan vào ngày 03/4/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ ham chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng dần mất đi. Chị T và anh Đ đã nhiều lần bàn bạc, trao đổi để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, anh Đ không thay đổi. Vợ

chồng sống ly thân gần một năm nay. Hiện tại chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng Đ trình bày (được hợp pháp hóa lãnh sự, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan): Anh Đ thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận nhưng đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng nhiều lần cãi vã, thậm chí xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Vợ chồng và hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị T xin ly hôn thì anh Đ đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện tại anh Nguyễn Trọng Đ đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Ba Lan đi lại khó khăn nên không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án ly hôn cùng chị T nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt anh. Các văn bản của Tòa án, anh Đ đề nghị gửi cho bố là ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1965, trú tại xóm B, xã BT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Ông Q sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án hôn nhân và gia đình Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Trọng Đ hiện đang ở nước ngoài, do không có điều kiện về nước đã gửi văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết ly hôn với chị T và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan). Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do anh Đ có yêu cầu không hòa giải vì đang ở nước ngoài và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng Đ là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nên thường xảy ra cãi cọ, xô xát. Hiện tại chị T và anh Đ đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng Đ được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 37, Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003946 ngày 18/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Trọng Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Anh